TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 18, 25/04 - 29/04/2022

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Hy vọng được nhen nhóm"

Chứng khoán trên toàn cầu đỏ lửa trong tuần qua, thị trường chứng khoán Mỹ nối dài đà giảm tuần thứ tư liên tiếp. Lo ngại về việc suy giảm của nền kinh tế cùng với kết quả kinh doanh đáng thất vọng của một số cổ phiếu vốn hóa lớn như Amazon đã khiến chỉ số S&P 500 trượt dài. Cụ thể, chỉ số S&P 500 đã giảm tới 14% so với vùng đỉnh trước đó. Tại châu Âu, lo ngại về chính sách tiền tệ thắt chặt cùng với khả năng nền kinh tế sẽ suy thoái khiến thị trường chứng khoán đỏ lửa. Cụ thể, chỉ số STOXX Europe 600 Index đã giảm 0.64%, chỉ số CAC 40 của Pháp bốc hơi 0.72% khi Tổng thống Macron tái đắc cử. Tại châu Á, thị trường chứng khoán Nhật Bản giảm 0.95% trong tuần qua trong bối cảnh BoJ duy trì quan điểm ôn hòa trong chính sách tiền tệ khi duy trì lãi suất tiệm cận 0. Tại Trung Quốc, Chính phủ nước này cho biết sẽ tăng cường kích thích kinh tế và phát triển lĩnh vực công nghệ nhưng không thể giúp cho chỉ số Shanghai Composite tăng điểm, kết tuần chỉ số này đã rơi tới 1.3%.

Sau ba tuần liên tiếp trượt dốc, thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu tuần mới trong sắc đỏ nhưng đã có sự phục hồi sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1,260. Tuy nhiên, những nhịp phục hồi của thị trường diễn ra trong tâm lý nghi ngờ của hầu hết các nhà đầu tư, minh chứng là giá trị giao dịch của nhiều phiên rơi xuống mức thấp nhất nhiều tháng. Kết tuần, chỉ số VN Index giảm 12.43 điểm, ứng với 0.9% và dừng lại ở mốc 1366.8 điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX Index leo dốc 6.71 điểm tương ứng mức tăng 1.87%, đóng cửa ở mức 365.83 điểm và UPCOM tăng 0.16 điểm lên mức 104.31 điểm.

Góc nhìn kỹ thuật cho thấy chỉ số VN-Index phục hồi sau khi chạm hỗ trợ ở khu vực 1,260 điểm. Trong khi đó, tâm lý e ngại vẫn đang bao phủ các nhà đầu tư trong bối cảnh những tin tức liên quan đến pháp lý bủa vây thị trường. Báo cáo tài chính quý 1 của các công ty trên sàn cho thấy kết quả khả quan. Cùng với đó, số liệu kinh tế tháng 4 của Việt Nam đã được công bố trong tuần qua với nhiều con số tích cực. Đáng chú ý, năng lực sản xuất công nghiệp của Việt Nam duy trì mức tăng trên 9% tháng thứ ba liên tiếp thể hiện sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,367	-0.9	-7.8	-7.6	-5.0		14.9	2.3	236
Upcom Index	104	0.2	-10.1	-4.9	-0.1		16.6	1.9	59
HNX Index	366	1.9	-19.6	-12.2	-11.0		19.2	2.2	16
VN30 Index	1,417	-1.9	-4.5	-7.5	-7.3		12.3	2.4	160
S&P 500 Index	4,132	-3.3	-9.7	-6.8	-10.1		21.1	4.1	36,306
STOXX Europe 600 Index	450	-0.6	-0.8	-3.3	-5.2		15.9	1.9	13,089
Hang Seng	21,089	2.2	-2.7	-10.4	-17.5		7.8	0.8	2,878
Nikkei 225	26,848	-0.9	-3.9	0.5	-6.8		14.8	1.7	3,557
SHCOMP Index	3,047	-1.3	-5.2	-9.4	-13.4		12.3	1.3	6,176
STI Index	3,357	-0.1	-2.2	3.4	4.8		14.7	1.2	396
KOSPI Index	2,695	-0.4	-1.3	1.2	-10.5		11.4	1.0	1,618

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Sau nhịp điều chỉnh mạnh của thị trường trong những tuần qua, thanh khoản trung bình của cả tuần đã giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 20.000 tỷ. Cụ thể, thanh khoản trung bình đạt 15.735 tỷ, giảm hơn 25% so với tuần trước đó.

Theo nhóm vốn hóa, nhóm Mid Cap và Small Cap đã có sự phục hồi mạnh mẽ sau khi tụt giảm sâu trong những tuần qua. Vốn hóa nhóm Mid Cap và Small Cap phục hồi nhanh với tốc độ lần lượt là 7.1% và 6.6%. Trong khi đó, nhóm Large Cap tăng chậm hơn chỉ ở mức 3.9% giá trị vốn hóa, tuy nhiên xét trong tháng qua thì nhóm vốn hóa lớn vẫn giữ giá trị tốt hơn hai nhóm còn lại. Về giá trị giao dịch, cả ba nhóm đều ghi nhận sự sụt giảm mạnh, nhóm Mid Cap có thanh khoản giảm sâu nhất với gần 35%.

Theo nhóm ngành, nhóm ngành công nghiệp có sự phục hồi mạnh mẽ nhất khi giá trị vốn hóa tăng 7.1%. Trong khi đó, nhóm ngành công nghệ thông tin phục hồi chậm nhất với 2.5%. Thanh khoản của tất cả các nhóm ngành đều giảm sút cho thấy sự thận trọng của dòng tiền bất chấp kết quả kinh doanh quý 1 tích cực của nhiều cổ phiếu nổi bật. Trong tuần qua, nhóm ngành thủy sản tiếp tục có màn thể hiện ấn tượng nhờ vào nhu cầu cao từ thị trường nước ngoài.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD						%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Large Cap	3.9	-8.9	23.3	-23.2	-23.3	-25.9	72.2	3.0	14.7	2.3	4,710,262
Mid Cap	7.1	-14.3	36.3	-34.0	-37.0	-41.3	25.8	-3.0	15.5	1.6	636,268
Small Cap	6.6	-18.1	30.4	-26.6	-41.1	-59.3	2.0	0.0	20.2	1.0	72,382

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD						%tỉ trọng GTGD				
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa tỷ đồng)
Công nghiệp	7.1	-17.0	32.9	-32.7	-39.7	-41.5	12.7	-1.2	16.5	1.4	286,523
Nguyên vật liệu	6.4	-10.0	45.7	-27.5	-23.2	-32.7	17.0	-0.2	7.8	2.0	496,005
Tài chính	5.5	-10.2	25.2	-19.5	-26.0	-30.5	30.8	2.7	20.2	2.2	1,461,208
Dầu khí	4.2	-15.2	-2.9	-31.6	-17.3	-46.9	1.4	-0.1	25.1	2.5	71,247
Dược và Y tế	3.8	-8.2	11.8	-29.9	-38.2	-48.5	0.5	0.0	17.8	2.4	37,442
Ngân hàng	3.4	-10.1	24.6	-22.3	-26.6	-33.2	17.0	0.9	11.2	1.9	1,679,444
Hàng Tiêu dùng	3.0	-6.7	3.4	-33.2	-28.9	-26.3	10.6	-1.1	18.7	3.0	645,507
Dịch vụ Tiêu dùng	2.8	-7.3	52.8	-35.9	-25.3	-15.9	5.2	-0.8	n.a	4.8	285,005
Tiện ích Cộng đồng	2.6	-5.5	16.3	-39.6	-35.1	-45.3	1.9	-0.4	16.4	2.3	340,299
Công nghệ Thông tin	2.5	-7.0	103.2	-23.4	-12.4	44.6	2.9	0.1	20.6	3.3	111,681

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn trên thị trường châu Á, thị trường Nhật Bản tiếp tục thu hút dòng tiền dồi dào với 4,631 triệu đô la. Trong khi đó, Đài Loan và Hàn Quốc là hai quốc gia bị rút tiền đi mạnh nhất khi giảm lần lượt 2,872 và 1,682 triệu USD. Tại thị trường Việt Nam, các nhà đầu tư tiếp tục mua ròng 31 triệu USD.

Thông qua kênh ETF, các quỹ ETF nước ngoài bán ròng đến 8.7 triệu USD, đáng kể nhất là quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF đã bán ròng tới 4.74 triệu USD. Trong khi đó, các quỹ ETF trong nước mua ròng mạnh trong tuần qua. Cụ thể, quỹ DCVFVN30 ETF Fund và quỹ MAFN VN30 ETF đã mua ròng lần lượt 12.92 và 2.16 triệu đô la.

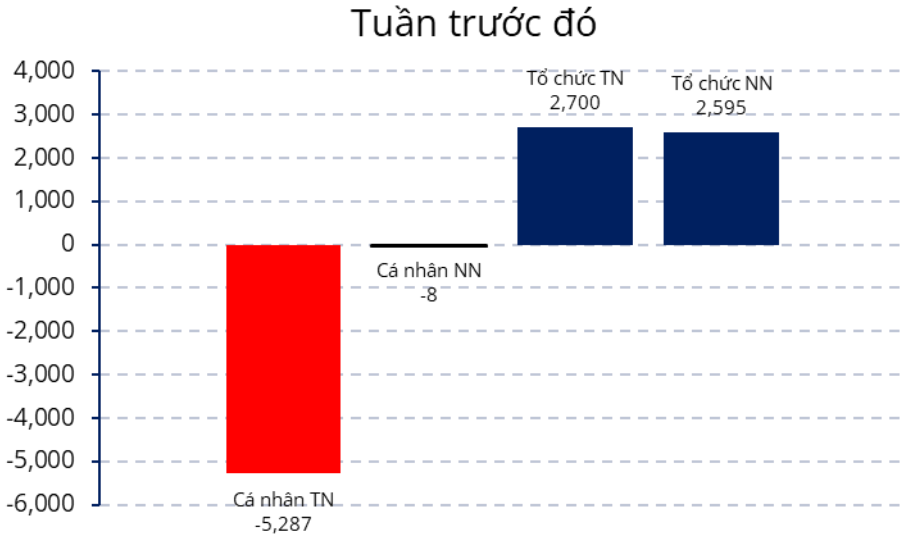
Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,075**	**6.38**	**-1.30**	**-91.9**	**7.7**
Nước ngoài	**1,889**	**-8.70**	**-13.94**	**-45.0**	**72.4**
VanEck Vectors Vietnam ETF	452	-2.57	-6.36	-25.9	2.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	465	0.00	13.91	21.5	273.1
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	450	-4.74	-8.04	-19.7	-12.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	310	-1.39	-13.44	-20.3	-105.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	166	0.00	0.00	0.0	-88.9
Premia MSCI Vietnam ETF	26	0.00	0.00	-0.5	0.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	7	0.00	0.00	0.0	-8.5
Asian Growth CUBS ETF	12	0.00	0.00	0.0	12.7
Trong nước	**1,186**	**15.08**	**12.63**	**-47.0**	**-64.7**
DCVFMVN Diamond ETF	614	0.00	0.00	0.0	-102.4
DCVFMVN30 ETF Fund	385	12.92	9.73	-44.5	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	137	0.00	0.75	-4.6	0.1
MAFN VN30 ETF	27	2.16	2.16	2.2	28.7
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.00	0.00	8.9

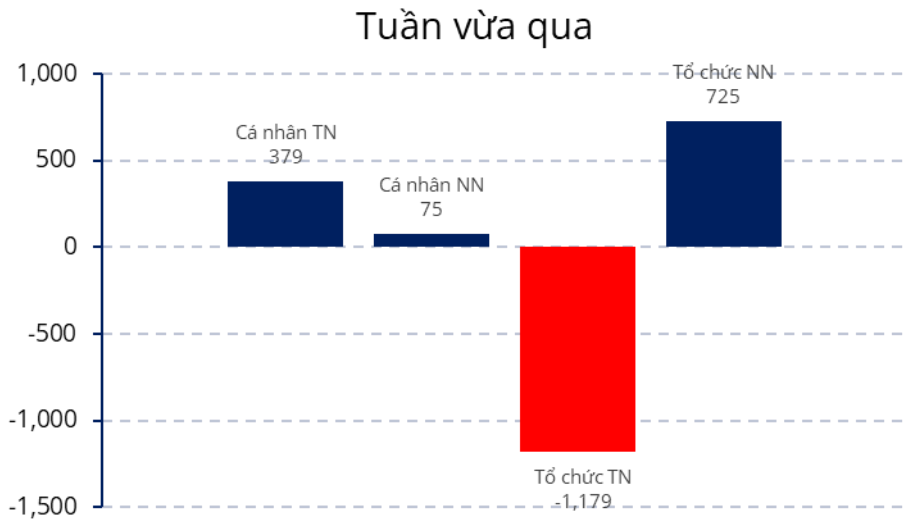
Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	32,196	67,387	98,044
Ấn độ	-448	-3,381	-3,381	-16,909
Indonesia	1,759	2,783	2,783	5,012
Nhật Bản	4,631	25,754	25,754	8,271
Maylaysia	30	193	193	1,734
Philippines	-28	-99	-99	-218
Hàn Quốc	-1,682	-4,963	-4,963	-11,461
Sri Lanka	0	1	1	-9
Đài Loan	-2,872	-9,102	-9,102	-26,402
Thái Lan	102	321	321	3,690
Việt Nam	31	153	153	-154

Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Về hoạt động giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 800 tỷ. Tương tự, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 379 tỷ. Trong khi đó, các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng 1,179 tỷ đồng.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	PNC	Truyền thông	8.37 - 15.40	8.8	-12.77%
2	GMC	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.70 - 35.55	21.6	-8.47%
3	DTL	Tài nguyên Cơ bản	15.85 - 62.40	46.0	-7.07%
4	CAV	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.70 - 64.00	58.3	-6.72%
5	DTA	Bất động sản	8.37 - 29.85	13.9	-6.71%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.47%	5.3	3.50 - 17.10	Xây dựng và Vật liệu	ROS
30.40%	9.1	5.05 - 18.50	Hóa chất	DAG
30.38%	5.2	2.08 - 12.70	Tài nguyên Cơ bản	LCM
29.52%	8.8	5.76 - 24.10	Bất động sản	FLC
27.72%	5.2	4.00 - 16.45	Bất động sản	HAR

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	L40	Xây dựng và Vật liệu	26.80 - 45.40	26.8	-18.54%
2	THS	Bán lẻ	13.00 - 51.70	15.5	-18.42%
3	ATS	Du lịch và Giải trí	17.00 - 36.60	17.0	-18.27%
4	TPH	Truyền thông	9.00 - 19.80	16.2	-18.18%
5	PBP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.20 - 48.90	18.7	-13.43%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
46.00%	14.6	5.70 - 28.40	Xây dựng và Vật liệu	VC9
45.12%	31.2	6.10 - 44.50	Xây dựng và Vật liệu	KDM
43.14%	7.3	4.30 - 19.50	Dịch vụ tài chính	ART
40.97%	20.3	8.66 - 63.00	Dịch vụ tài chính	APS
37.50%	7.7	5.10 - 34.10	Bất động sản	BII

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	ILC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.30 - 11.50	8.4	-22.94%
2	JOS	Thực phẩm và đồ uống	1.30 - 4.30	2.6	-18.75%
3	TNW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.70 - 15.80	10.7	-17.69%
4	VQC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.20 - 29.30	24.0	-17.24%
5	HPB	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.10 - 23.80	16.7	-16.50%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
48.00%	18.5	8.10 - 76.00	Truyền thông	RGC
41.22%	41.8	14.50 - 53.80	Bất động sản	BVL
38.60%	7.9	3.50 - 10.30	Xây dựng và Vật liệu	ICI
37.93%	8.0	5.80 - 13.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	VMG
36.59%	5.6	2.40 - 12.50	Công nghệ Thông tin	SRB

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	HRC	Cao su Hòa Bình	Thực phẩm và đồ uống	367	4,796.7	56.7	50.00 - 70.40	7.0
2	BTP	Nhiệt điện Bà Rịa	Điện, nước & xăng dầu khí đ	532	894.4	18.4	15.00 - 19.10	-0.5
3	DTL	Đại Thiên Lộc	Tài nguyên Cơ bản	81	224.5	46.0	15.85 - 62.40	-7.6
4	SBA	Sông Ba JSC	Điện, nước & xăng dầu khí đ	866	174.8	20.6	15.25 - 21.50	0.0
5	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	30,969	103.5	91.6	49.00 - 103.00	-0.1
6	SFI	Vận tải SAFI	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,205	95.8	80.9	36.00 - 90.00	3.7
7	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	191,831	74.9	104.0	35.50 - 108.50	8.6
8	SVC	SAVICO	Ô tô và phụ tùng	66	73.7	102.6	63.50 - 148.80	3.1
9	ACL	Thủy sản CL An Giang	Thực phẩm và đồ uống	12,921	59.5	30.7	10.80 - 33.15	-0.5
10	FLC	Tập đoàn FLC	Bất động sản	143,027	59.5	8.8	5.76 - 24.10	33.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	103.43	1.65	4.86	7.81	8.11	
VND/USD	22,968	0.00	0.42	1.35	0.62	
KRW/USD	1,266.25	1.34	4.27	5.00	6.51	
JPY/USD	130.27	1.66	6.09	13.81	13.20	
EUR/USD	0.95	1.79	4.25	7.42	8.06	
SGD/USD	1.39	0.90	2.22	2.93	2.79	
CNY/USD	6.61	1.65	3.84	3.89	3.97	

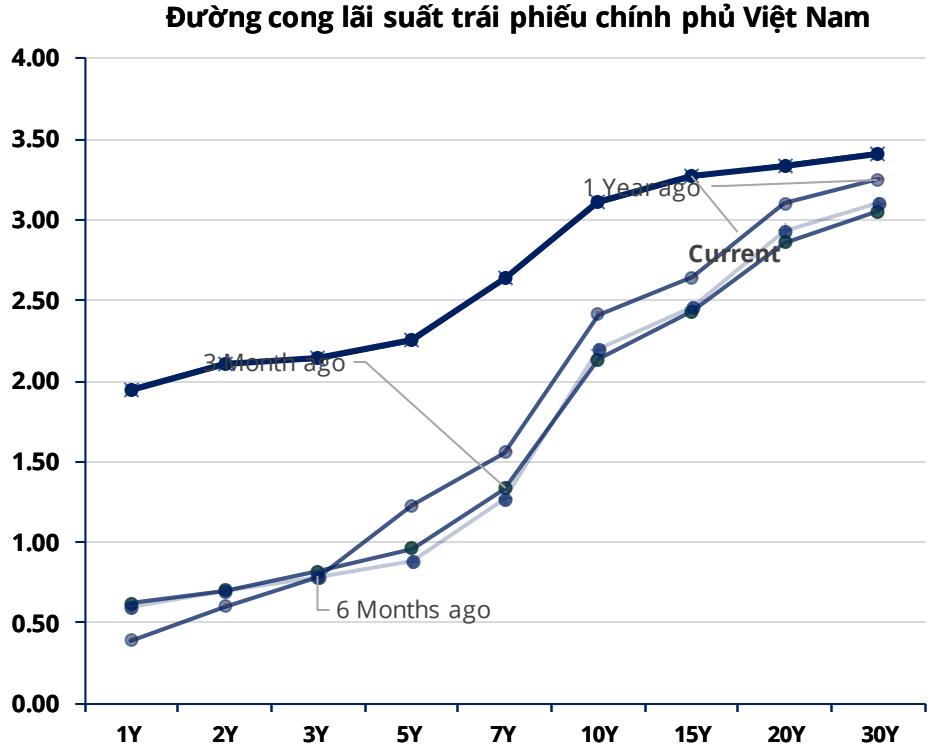
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	103.91	5.45	4.67	17.73	38.16	
Xăng	342.21	5.63	8.52	31.27	53.56	
Gas	7.48	12.10	30.70	35.90	100.43	
Than	299.30	-8.50	18.11	31.47	76.47	
Vàng	1,889.23	-0.45	-2.25	4.56	3.28	
Bạc	22.65	-4.12	-7.70	-0.03	-2.83	
Platinum	933.43	1.00	-5.66	-9.98	-3.64	
Quặng sắt	144.90	-5.99	-3.49	10.77	28.80	
Thép cán	5,124.00	-2.14	-2.79	5.11	7.90	
Lúa mì	1,036.25	-2.42	5.26	37.25	34.45	
Ngô	807.50	0.91	9.86	29.72	36.11	
Gỗ	1,039.70	3.70	-1.36	1.44	-9.43	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.95	2.11	2.14	2.25	2.64	3.11	3.27	3.34	3.41
Thay đổi (BPS)	-5.00	-1.30	-2.90	-12.80	-6.50	-7.40	-7.60	1.50	1.50

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.